**"Kinh Thánh là tài sản quí giá hơn hết của loài người."**

**Một bản bình luận Kinh Thánh tóm tắt của HENRY  H. HALLEY**

Thơ Rô-ma

**Tánh chất căn bản của công việc Ðấng Christ**

**Nền tảng của địa vị loài người trước mặt Ðấng Tạo Hóa**

Theo ý kiến nhiều người, thì thơ Rô-ma là **sách quan trọng hơn hết** trong Kinh Thánh sau 4 sách Tin Lành, vì nó là bài Phao-lô giải thích đầy đủ về cách ông hiểu biết tánh chất của Tin Lành, và vì Phao-lô được Ðức Chúa Trời lựa chọn đứng đầu những nhà giải thích Tin Lành. Ông Coleridge gọi thơ Rô-ma là "Tác phẩm sâu nhiệm hơn hết từng có xưa nay."

**Khó hiểu.** Chúng ta thường nghĩ rằng thơ Rô-ma khó hiểu. Có hai lý do khiến ta nghĩ như vậy. Một là bút pháp của Phao-lô. Ông có thói quen bắt đầu một câu, rồi đi ra ngoài đề, ra ngoài đề mãi, đền nỗi trong một vài trường hợp, các câu văn không thay đổi ý tưởng vừa mới bày tỏ, mà lại thay đổi một ý tưởng bày tỏ ở trước xa, làm cho ta khó tìm thấy mạch lạc. Còn lý do khác là thơ Rô-ma giải luận một vấn đề mà đối với chúng ta thì không thành vấn đề chi hết, nhưng đương thời ấy thì là một vấn đề linh động, nóng hổi: Ấy là người dân ngoại có thể trở thành tín đồ Ðấng Christ mà không cần trở lại đạo Do-thái chăng? Chúng ta thường nghĩ rằng đạo Ðấng Christ là một đạo của dân ngoại, vì rất ít người Do-thái tin theo Ngài. Nhưng lúc đầu đạo Ðấng Christ là đạo của người Do-thái, và một số thủ lãnh Do-thái có thế lực đã quyết định phải cứ giữ nguyên như vậy.

**Bối cảnh** của thơ Rô-ma là người Do-thái thường tin rằng luật pháp của Môi-se có tánh cách chung kết để bày tỏ ý chỉ Ðức Chúa Trời và bổn phận loài người; bối cảnh ấy lại cũng là người Do-thái nhấn mạnh rằng người dân ngoại muốn trở nên tín đồ Ðấng Christ, thì phải chịu phép cắt bì và vâng giữ luật pháp Môi-se. Vậy, vấn đề nầy vấn vương tâm trí mọi người. Phép cắt bì là một nghi lễ trong thân thể, được coi như lễ đầu tiên để nhập quốc tịch Do-thái.

**Phao-lô nhấn mạnh đặc biệt rằng** sự xưng loài người là công bình trước mặt Ðức Chúa Trời không căn cứ trên luật pháp Môi-se, nhưng trên lòng thương xót của Ðấng Christ. Ðây không phải là một vấn đề luật pháp chi hết, vì loài người, nhơn cớ bổn tánh tội lỗi của mình, không thể nào sống đúng theo luật pháp Ðức Chúa Trời -- vả, luật pháp là cách Ðức Chúa Trời bày tỏ sự thánh khiết của Ngài. Nhưng đây hoàn toàn là vì Ðấng Christ tha thứ tội lỗi người ta nhơn cớ lòng nhơn ái của Ngài. Trong lời phân tích trên kia, địa vị loài người ở trước mặt Ðức Chúa Trời chẳng tùy thuộc việc họ đã làm hoặc có thể làm cho mình, song tùy thuộc việc Ðấng Christ đã làm cho họ. Vậy nên Ðấng Christ có quyền được mọi người phục tùng, trung thành sùng kính một cách tuyệt đối và hết lòng.

**Niên hiệu và cơ hội của thơ tín nầy.** Mùa đông năm 57-58 S.C.. Phao-lô đang ở thành Cô-rinh-tô, lúc chấm dứt hành trình truyền giáo thứ ba và gần đi Giê-ru-sa-lem, đem theo số tiền lớn quyên giúp các thánh đồ nghèo. Một bà tên là Phê-bê, ở Xen-cơ-rê, là một vùng ngoại châu thành Cô-rinh-tô, đáp tàu đi La-mã (16:1-2). Phao-lô bèn nhơn cơ hội đó mà nhờ bà đem thơ nầy. Khắp đế quốc La-mã không có bưu chánh, trừ ra cho công vụ. Theo như ta được biết, thì mãi sau đây mới có bưu chánh. Thời ấy, những thơ riêng phải do bạn hữu hoặc hành khách bất thần đem đi. Tít đem thơ II Cô-rinh-tô. Ti-chi-cơ đem thơ Ê-phê-sô và thơ Cô-lô-se. Ô-nê-sim đem thơ Phi-lê-môn.

**Mục đích của thơ nầy.** Ðể tỏ cho anh em ở La-mã biết rằng ông đang đi đường. Lại nữa, Phao-lô viết thơ nầy trước khi Ðức Chúa Trời bảo ông rằng Ngài sẽ gặp ông tại La-mã (Công vụ các sứ đồ 23:11), và ông chưa cảm biết chắc chắc rằng mình sẽ còn sống mà đi khỏi Giê-ru-sa-lem (15:31). Trong trường hợp nầy, dường như thuận hiệp cho ông, là Sứ đồ của dân ngoại, để lại tại thủ đô của thế giới dân ngoại một tác phẩm giải thích cách ông hiểu biết tánh chất của công việc Ðấng Christ.

**Hội Thánh tại La-mã.** Phao-lô chưa hề tới đó. Ba năm sau khi viết thơ tín nầy, ông mới tới đó. Có lẽ nguyên điểm của chi hội nầy gồm những người La-mã đã ở thành Giê-ru-sa-lem trong ngày Lễ Ngũ Tuần (Công vụ các sứ đồ 2:10). Trong khoảng 28 năm kế tiếp, nhiều tín đồ Ðấng Christ ở những miền khác nhau thuộc Ðông phương, vì lý do nầy hoặc lý do khác, đã di cư tới kinh thành La-mã; một số tín đồ ở đó đã do Phao-lô dắt đưa tin Chúa và là bạn thiết của ông (xem đoạn 16). Phi-e-rơ chưa có ở đó. Ông chỉ tới đó sau Phao-lô. Nếu ông có ở đó khi Phao-lô viết thơ nầy, thì Phao-lô không nhắc đến tên ông trong lời chào thăm, há chẳng kỳ lạ lắm sao? Việc Phi-e-rơ sáng lập Hội thánh tại La-mã và làm giám mục ở đó 25 năm, chỉ là truyện hoang đường, do người ta bịa đặt để binh vực những quyền lợi riêng.

**Ðoạn 1, 2 -- Cả Thế Giới Cần Ðến Tin-Lành**

**Cả loài người mắc tội** (1:1-32). Câu văn thứ nhứt rất dài (câu 1-7), tóm tắt cuộc đời của Phao-lô: Ðức Chúa Jêsus được các tiên tri dự ngôn, đã sống lại từ trong kẻ chết, và sai Phao-lô đi rao truyền Danh Ngài cho muôn dân. Rồi Phao-lô tỏ ý mong ước đến La-mã từ lâu (câu 9-15). Ông bị ngăn trở, chưa đến đó được, vì còn phải rao truyền Tin Lành ở những khu vực khác chưa được nghe (15:20). Ông không hổ thẹn về Tin Lành (câu 16-17), ngay cả ở La-mã, là cái vực sâu xấu xa, hư hoại nhưng "mạ vàng" và kiêu hãnh. Sự bại hoại kinh khủng của loài người, mô tả ở câu 18-32, đã xuống tới cực độ tại kinh thành La-mã. Ðặc biệt là sự buông theo nhục dục (câu 26-27).

**Gồm cả người Do-thái** (2:1-29). Bức tranh khủng khiếp của Phao-lô mô tả địa vị tội lỗi của loài người gồm cả người Do-thái, mặc dầu họ là dân của Ðức Chúa Trời, vì họ phạm hầu hết mọi tội lỗi thông thường của loài người. "Ai" (câu 1) gồm hết thảy chúng ta. Không phải là mỗi người làm mọi việc ghi chép ở 1:29-31. Ðó là bức tranh mô tả toàn thể loài người. Nhưng mỗi người chúng ta có phạm một vài điều ghi chép ở đó. "Xét đoán những việc kín nhiệm của loài người" (câu 16). Ngày đó, Ngài sẽ xét xử bổn tánh kín giấu trong lòng, chớ không xét xử theo chủng tộc.

**Thơ Rô-ma 2**

**Ðoạn 3 -- ÐẤNG CHRIST Là Vãn Hồi Tế Chuộc Tội Loài Người**

**Tại sao có người Do-thái?** (câu 1:20). Nếu về tình trạng tội lỗi, họ chung một địa vị với mọi dân tộc khác trước mặt Ðức Chúa Trời, thì tại sao lại cần phải có dân tộc Do-thái? Ðáp rằng: Ðể họ nhận lãnh các sấm ngữ của Ðức Chúa Trời và mở đường cho Ðấng Christ ngự đến.

Dưới quyền của Ðức Chúa Trời, dân tộc Do-thái đã được thành lập để phụng sự một mục đích đặc biệt, là thực hiện kế hoạch từ lâu đời của Ðức Chúa Trời khiến cho loài người được cứu chuộc. Nhưng đó chẳng có nghĩa là trước mắt Ðức Chúa Trời, họ có tâm chất tốt lành hơn các dân tộc khác. Một trong những mục đích của luật pháp là khiến người ta hiểu rằng họ là tội nhân (câu 20), cần một Cứu Chúa.

**Ðấng Christ là Vãn hồi tế** (câu 21-31). Trong bổn tánh đời đời của các sự vật, vì tội lỗi là tội lỗi, phải là phải và Ðức Chúa Trời là công bình, nên không thể có sự thương xót ở ngoài sự công bình. Tội lỗi phải bị hình phạt. Trong Thân vị Ðấng Christ, Ðức Chúa Trời đã mang lấy sự hình phạt tội lỗi loài người. Vậy nên Ngài có thể tha thứ tội lỗi loài người, và kể những ai cảm kích tiếp nhận Tế lễ của Cứu Chúa là có chính sự công bình của Cứu Chúa: Sự công bình của Cứu Chúa được kể là của họ.

**Ðoạn 4 -- Trường Hợp Của Áp-ra-ham**

Trường hợp nầy được nêu lên vì những kẻ đề xướng dân ngoại phải vâng giữ luật pháp đã dựa sự đòi hỏi làm phép cắt bì trên lời hứa ban cho Áp-ra-ham, tức là cho dòng dõi ông; vậy, nếu ai không phải dòng dõi của Áp-ra-ham do sanh đẻ, thì phải nhờ phép cắt bì mà trở nên dòng dõi của ông. Phao-lô giải thích rằng lời hứa được ban cho vì cớ đức tin của Áp-ra-ham, khi ông chưa chịu phép cắt bì, và kẻ kế tự ông chính là người có đức tin giống như vậy, chớ không phải những kẻ chịu phép cắt bì. Ðiểm vĩ đại trong đời sống của Áp-ra-ham là đức tin của ông, chớ không phải phép cắt bì mà ông đã chịu.

**Ðoạn 5 -- Ðấng Christ Và A-đam**

Phao-lô dựa vào sự duy nhất của loài người trong A-đam mà minh luận rằng sự chết của Ðấng Christ có hiệu lực đền bồi tội lỗi loài người.

Người phản đối thường nói rằng: "Một người chịu chết vì nhiều người thể nào được?" Một người có thể chết thế một người khác, -- như vậy còn có phần công bình. Nhưng một Người chết để phu phỉ án phạt đáng phải giáng trên muôn triệu người, thì thậm vô lý!

Phao-lô đáp rằng người ta không đáng trách vì là tội nhân. Họ đã sanh ra như vậy, và không liên quan gì với sự sanh ra họ. Họ cũng không được hỏi ý kiến xem mình có muốn ra đời chăng? Họ chỉ thức dậy và thấy mình ở trong một thân thể với một bổn tánh tội lỗi. Nhưng Phao-lô nói rằng người sáng lập nhân loại, là A-đam, không được sanh ra cách đó. Khởi đầu ông chẳng có một bổn tánh tội lỗi đâu.

Khi giải thích giáo lý Ðấng Christ đền chuộc tội lỗi, Phao-lô không để Ngài đối chiếu với mỗi cá nhân chúng ta, song để Ngài đối chiếu với tổ tông loài người. A-đam là tổ tông thiên nhiên của loài người. Còn Ðấng Christ là Tổ tông thiêng liêng. Việc tổ tông nầy làm, thì Tổ tông kia phá đi. Tội lỗi của một người gây cho cả loài người bị hư mất. Vậy, sự chết của một Người đủ khiến cho mọi người thoát khỏi tình trạng hư mất.

**Ðoạn 6 -- Vậy, Cái Gì Là Cớ Tích Cho Ta Sống Thiện Hảo?**

Nều Ðấng Christ tha thứ tội lỗi chúng ta và ta chẳng còn ở dưới luật pháp nữa, thì tại sao ta chẳng cứ ở trong tội lỗi? Cứ phạm tội đi, thì Ðấng Christ sẽ cứ tha thứ.

Phao-lô đáp rằng không thể tưởng tượng một điều như vậy. Ðấng Christ đã chịu chết để cứu chúng ta khỏi tội lỗi. Sự tha thứ của Ngài cốt để khiến chúng ta gớm ghét tội lỗi mình.

Chúng ta không thể vừa làm tôi tớ tội lỗi, vừa làm tôi tớ Ðấng Christ. Phải chọn bên nầy hoặc bên kia. Không thể nào vừa sống trong tội lỗi, vừa đẹp lòng Ðấng Christ.

Ấy chẳng có nghĩa là chúng ta có thể toàn thắng hết thảy tội lỗi của mình, và có thể không cần đến sự thương xót của Ngài nữa. Song thật có nghĩa rằng có hai cách sống khác hẳn nhau: Cách sống theo Ðấng Christ và cách sống theo tội lỗi. Trong lòng, chúng ta thuộc về bên nầy hoặc bên kia, chớ không thể thuộc về cả hai bên.

Ðấng Christ là hiện thân trọn vẹn của luật pháp Ðức Chúa Trời, làm nảy trong ta cái cớ tích và cung cấp cho ta cái quyền năng để cứ chiến đấu cho tới khi chính mình đạt tới bậc thánh khiết trọn vẹn, -- bởi ân điển Ngài, đến cuối cùng, bậc thánh khiết nầy sẽ là của chúng ta.

**Ðoạn 7 -- Tại Sao Có Luật Pháp?**

Nếu chúng ta không ở dưới luật pháp nữa, thì ban bố luật pháp làm chi? Luật pháp không được ban bố như một kế hoạch cứu rỗi, nhưng như một biện pháp trù bị để dạy cho loài người thấy mình cần có một Cứu Chúa, để khiến ta biết phân biệt điều phải và điều quấy. Khi nào ta nhận biết mình hoàn toàn yếu đuối, thì mới mong ước có một Cứu Chúa.

**Cuộc giao tranh giữa bổn tánh xác thịt và bổn tánh thiêng liêng** (câu 14-25). Chúng ta tự hỏi đây có phải bức tranh mô tả chính cuộc giao chiến trong lòng của Phao-lô chăng? Ở I Cô-rinh-tô 4:4, ông nói rằng: "Tôi chẳng thấy mình có điều gì đáng tội." Nhưng chắc ông phải cảm thấy trong bổn tánh mình có những sức thúc đẩy mạnh mẽ mà mình phải giao tranh ác liệt không ngừng. Bằng không, ông chẳng bao giờ có thể viết mấy lời nầy. Ông tri ân Ðấng Christ, khôn nói nên lời, vì Ngài đã giải cứu ông khỏi cái yếu tố mà ông cảm biết mình không có quyền lực chống lại đó. Sự tri ân nầy khiến ta nhớ lại một nỗi vui mừng vô biên của Luther khi ông thình lình nhận biết rằng Ðấng Christ có thể làm cho ông cái điều mà ông đã luống công chiến đấu để tự làm lấy. Ðây là tỉ dụ về quyền lực của luật pháp trên một linh hồn sốt sắng nhưng thất vọng vì không thể sống đúng theo luật pháp, và về sự cứu trợ tìm được trong Ðấng Christ.

**Thơ Rô-ma 3**

**Ðoạn 8 -- Luật Pháp Của Thánh Linh**

**Ðây là một trong những đoạn Kinh Thánh được quí mến hơn hết**

**Thánh Linh ngự trong tín đồ** (câu 1-11). Trong Ðấng Christ, chúng ta chẳng những được tha thứ tội lỗi, song còn được truyền cho một sự sống mới. Ðó là sự tái sanh. Sứ sống thiên nhiên của chúng ta dường như được dầm thấm Thánh Linh của Ðức Chúa Trời, và một thần linh măng sữa, một bổn tánh Ðức Chúa Trời được sanh ra hơi giống như cách sự sống thân thể ta, tức là bổn tánh A-đam của ta, đã do cha mẹ ta sanh ra. Sự sống thiên nhiên của ta do A-đam mà có. Còn bổn tánh mới của Ðức Chúa Trời do Ðấng Christ mà có. Ðó là một sự thực ở bên trong chúng ta. Có lẽ chúng ta không cảm biết và không nhận thấy nó. Nhưng nó có đó. Chúng ta tiếp nhận nó như một vấn đề đức tin. Vượt quá phạm vi hiểu biết của chúng ta, bên trong ta có sự sống Ðức Chúa Trời, có đứa con của Thánh Linh Ðức Chúa Trời, được Ngài chăm nom từ ái. Ngài làm việc lặng lẽ, không hề mỏi mệt, không hề đuối sức, để chiếm quyền kiểm soát toàn thân ta và biến đổi ta ra giống như hình ảnh của Ðức Chúa Trời. Ðó là sự sống sẽ nảy nở thành sự vinh hiển bất diệt trong ngày Phục sanh.

**Phận sự chúng ta đối với Thánh Linh** (câu 12-17). Bước đi theo Thánh Linh nghĩa là đang khi ta hoàn toàn và tuyệt đối nhờ cậy Ðấng Christ để được cứu rỗi, thì ta còn chiến đấu tới cực điểm để sống đúng theo luật pháp của Ngài. Phao-lô nói rất minh bạch rằng ân điển của Ðấng Christ chẳng miễn cho ta khỏi phải hết sức cố gắng sống thiện hảo. Bước đi theo xác thịt có nghĩa là buông mình để làm thỏa mãn các sự tham muốn của xác thịt. Thân thể chúng ta là xác thịt. Ta phải sống trong xác thịt. Một số tham muốn của xác thịt là trái lẽ; một số lại hoàn toàn tự nhiên và cần thiết. Chúng ta phải hoàn toàn từ bỏ những tham muốn trái lẽ. Còn những tham muốn khác thì ta được phép chiều theo, song phải cẩn thận giữ lòng ham mến những cái cao cả, siêu phàm.

Muôn vật thọ tạo đang đau đớn (câu 18-25)

Muôn vật thiên nhiên, kể cả chúng ta, đang rên siết mong chờ một cảnh sanh hoạt tốt đẹp hơn sẽ được bày tỏ trong ngày hoàn tất ơn cứu chuộc của Ðức Chúa Trời, khi ấy, "thân thể hay chết nầy" (7:24) sẽ nhận được sự tự do, vinh hiển của Thiên đàng. Ðó là một quan niệm vĩ đại về công việc của Ðấng Christ.

**Thánh Linh cầu thay** (câu 26-30). Thánh Linh ngự trong ta chẳng những là của cầm về sự sống lại và vinh hiển tương lai của ta, nhưng nhờ Ngài cầu nguyện cho, ta còn biết chắc rằng Ðức Chúa Trời sẽ khiến mọi việc xảy ra làm ích cho mình. Chúng ta có thể quên cầu nguyện. Nhưng Thánh Linh chẳng hề quên. Ngài sẽ đưa chúng ta đến nơi đến chốn.

**Lòng yêu thương bất khả xâm phạm của Ðấng Christ** (câu 31-39). Ngài đã chịu chết vì chúng ta, tha thứ ta và ban chính mình Ngài cho ta trong Thân Vị của Thánh Linh Ngài. Nếu chúng ta thuộc về Ngài, thì không quyền lực nào ở dưới đất, hoặc trên trời, hoặc trong địa ngục, có thể ngăn trở Ngài đưa ta về ở với Ngài trong lòng đời đời của Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 9, 10, 11 -- Vấn Ðề Không Tin Của Dân Do Thái**

Yếu tố lớn lao nhứt ngăn trở toàn thể loài người tiếp nhận Tin Lành của Ðấng Christ chính là sự không tin của dân Do-thái. Dầu có rất nhiều người Do-thái, nhứt là ở xứ Giu-đê, đã trở thành tín đồ Ðấng Christ, nhưng toàn thể dân Do-thái chẳng những không tin, mà còn chống đối kịch liệt. Các nhà cầm quyền Do-thái đã đóng đinh Ðấng Christ vào Thập tự giá. Mỗi khi có cơ hội, họ đều bắt bớ Hội Thánh. Chính những người Do-thái không tin Chúa đã gây rắc rối cho Phao-lô ở hầu hết mọi nơi ông đi. Nếu Ðấng Christ thật là Ðấng Mê-si đã dự ngôn trong Kinh Thánh của họ, thì tại sao chính dân Ðức Chúa Trời lại chối bỏ Ngài như vậy? Phao-lô đáp lại câu hỏi ấy trong ba đoạn nầy.

**Sự buồn rầu của Phao-lô vì cớ người Y-sơ-ra-ên** (9:1-5). Ðây là một cách tỏ lòng buồn rầu rất linh động: Ông hầu như sẵn sàng hiến chính linh hồn mình vì cớ họ.

**Quyền Chủ tể của Ðức Chúa Trời** (9:6-24). Trong khúc sách nầy, Phao-lô không thảo luận sự tiền định các cá nhân cho được cứu rỗi hoặc bị hư mất, nhưng ông minh xác quyền Chủ tể tuyệt đối của Ðức Chúa Trời trong sự lựa chọn và quản trị các dân để họ thi hành nhiệm vụ trên thế giới, ngõ hầu đến cuối cùng sẽ đem hết thảy đến đầu phục Ngài. Lời tuyên bố mạnh mẽ ở câu 16 có lẽ gồm cả những cá nhân. Những khúc sách giống như vậy chắc gồm ý ấy: Công vụ các sứ đồ 2:23; 4:28; 13:48; Rô-ma 8:28-30. Chúng ta không biết làm cách nào để dung hòa quyền chủ tể của Ðức Chúa Trời và sự tự do của ý chí loài người. Cả hai giáo lý nầy được dạy rõ trong Kinh Thánh. Chúng tôi tin cả hai giáo lý ấy. Nhưng phải xin nhường người khác giải thích thể nào cả hai giáo lý ấy đều đúng.

**Dự ngôn trong Kinh Thánh** (9:25-33). Kinh Thánh đã dự ngôn rằng dân Y-sơ-ra-ên bị loại bỏ và các dân ngoại được tiếp nhận. Vậy, chúng ta đáng phải mong chờ tình trạng ấy, chớ chẳng nên vì đó mà vấp phạm.

**Chính người Do-thái đáng trách** (10:1-21). Ðức Chúa Trời chẳng làm cho người Do- thái chối bỏ Ðấng Christ. Họ đã tự ý làm như vậy. Ðó chỉ là một vấn đề nghe. Họ nghe, nhưng cố ý không vâng lời (câu 18-21). Chúng ta không biết làm thể nào để dung hòa điểm nầy với đoạn 9:16. Trên đời có một vài điều vượt quá phạm vi hiểu biết hữu hạn của chúng ta. Và đây là một điều.

**Sự cứu rỗi tương lai của dân Y-sơ-ra-ên** (11:1-36). Họ bị loại bỏ tạm thời, và do đó các dân ngoại được cứu rỗi. Nhưng một ngày kia, toàn dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu rỗi (câu 26). Ðây không tỏ ra sự trạng ấy sẽ xảy đến khi nào hoặc cách nào. Cũng không tỏ ra sự trạng ấy sẽ liên quan với việc họ trở về xứ Pa-lét-tin thể nào, nhưng chỉ quả quyết rằng sẽ thật có như vậy. Một điểm đen kịt trên khung cảnh lịch sử loài người chính là sự đau đớn của dân tộc khổ não và không vâng lời đó. Nhưng một ngày kia, tình trạng nầy sẽ chấm dứt. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn năn, quay về với Chúa mà họ đã đóng đinh vào Thập tự giá. Sẽ có sự tha thứ và vui mừng. Rồi muôn vật sẽ chúc tạ Ðức Chúa Trời vì sự khôn khoan không dò được của hóa cơ Ngài.

**Thơ Rô-ma 4**

**Ðoạn 12, 13, 14 Cuộc Ðời Ðược Biến Cải**

Bao giờ cũng vậy, Phao-lô chấm dứt bài giảng luận thần học bằng những lời nhiệt thành khuyên bảo hãy sống cách nào cho xứng hợp với Ðấng Christ. Trong những đoạn trước, ông đã nhấn mạnh rằng địa vị chúng ta trước mặt Ðức Chúa Trời hoàn toàn tùy thuộc sự thương xót của Ðấng Christ, chớ không tùy thuộc việc lành riêng của mình. Nhưng sự thương xót đã tha thứ rộng rãi biết bao đó cũng là chính yếu tố kích thích ta làm lành một cách mạnh mẽ, không sao cưỡng lại được, và thay đổi cả nhỡn tuyến của ta đối với cuộc đời.

**Tinh thần khiêm cung** (câu 3-8). Những lời nầy đặc biệt dành cho các vị thủ lãnh Hội Thánh. Bao phen địa vị thủ lãnh đáng làm cho ta khiêm nhường, lại khiến ta kiêu hãnh! Bao phen người có một tài năng nào lại có ý làm giảm giá trị tài năng của kẻ khác! Phao-lô giải luận điều nầy tường tận hơn ở I Cô-rinh-tô, đoạn 12 đến 14.

**Các đức tánh thiên thượng** (câu 9-21). Lòng yêu thương anh em. Ghét điều ác, nhứt là điều ác ỏ trong chúng ta. Siêng năng, vui vẻ, kiên nhẫn. Hay cầu nguyện, tiếp khách và có thiện cảm. Ðể ý đến những điều chi đáng tôn quí. Ham chuộng hòa bình, không căm giận.

**Vâng phục luật pháp nhà nước** (13:1-7). Các chánh quyền do Ðức Chúa Trời thiết lập (câu 1), mặc dầu thường khi lại do người tội ác đảm nhiệm; ấy để ngăn cản các phần tử phạm pháp trong xã hội loài người. Tín đồ Ðấng Christ phải là những công dân tuân giữ luật pháp của chánh phủ đang cai trị họ.

**Mọi sự được gồm tóm trong tình yêu thương** (câu 8-10). Yếu tố ngăn cản tội ác chính là tôn trọng đúng mức các quyền lợi của kẻ đồng loại, dường như là của chính mình vậy. Ấy là sự thực hành Luật Vàng.

**Hừng đông gần lộ ra** (câu 11-14). Lời nầy liên quan tới những cá nhân đã tin theo Ðấng Christ được ít lâu, hoặc tới kỷ nguyên Cơ-đốc-giáo gần kết liễu. Phao-lô vui sướng vì nghĩ rằng gần đến ngày Chúa hiện ra. Xem ở thơ I và II Tê-sa-lô-ni-ca.

**Ðoán xét lẫn nhau** (14:1-23). Cả đoạn nầy luận về vấn đề tín đồ lên án lẫn nhau trong những việc như ăn thịt và giữ ngày. Dầu không nói rõ, song thịt luận ở đây chắc là thịt đã dâng cúng thần tượng. Xem ở I Cô-rinh-tô, đoạn 8. Hoặc có lẽ là thịt thú vật mà ta ăn, trái lại với sự kiêng cữ chỉ ăn rau. Mỗi trường hợp là tùy theo lương tâm của cá nhân. Còn về sự giữ ngày, thì không nói đến ngày Sa-bát, nhưng chắc là nói đến việc người Do-thái nhấn mạnh rằng dân ngoại phải giữ ngày Sa-bát và những ngày lễ khác của người Do-thái. Chúa nhật, ngày thứ nhứt trong tuần lễ, là ngày của tín đồ Ðấng Christ. Nếu thêm vào đó, họ muốn giữ ngày Sa-bát hoặc những ngày lễ khác của người Do-thái, thì túy ý, song không nên bắt buộc kẻ khác cũng phải giữ.

**Ðoạn 15 -- Phao-lô Toan Ðịnh Ðến La-mã**

**Anh em hiệp một** (câu 1:14). Tiếp tục những lời khuyên bảo trong đoạn trước. Do đoạn 16:17 cùng bài giải luận về ngày và thịt ở đoạn 14, chúng tôi hơi ngờ Phao-lô đã nhờ cách nào đó mà hay tin rằng một vài thủ lãnh Do-thái ở La-mã quyết định bắt các tín đồ dân ngoại phải theo tập tục Do-thái.

**Ông toan định đến La-mã** (câu 15-33). Nếu Phao-lô giống như một số người khác, thì ngay khi được Ðấng Christ phong làm Sứ đồ đặc biệt của các dân ngoại, ông đã lập tức đi tới La-mã, thủ đô của thế giới dân ngoại, lấy đó làm trụ sở, và lo rao giảng Tin Lành khắp đế quốc La-mã. Một lý do ông không làm như vậy có lẽ là vì kể từ ngày Lễ Ngũ Tuần (Công vụ các sứ đồ 2:10), một Hội Thánh lớn đã thành lập tại La-mã. Vả, sứ mạng của ông là rao truyền Ðấng Christ ở những miền người ta chưa được biết Ngài (câu 20). Chương trình của ông là cứ đi từng khu vực một, và lần lần tiến về phía Tây. Bây giờ, sau 20 hoặc 30 năm, tức là sau khi trồng vững Tin Lành ở Tiểu-Á-tế-á và Hi-lạp, ông sẵn sàng tiến tới Y-pha-nho và dọc đường dừng lại tại La-mã (câu 24). Ông có ý tới Y-pha-nho hay không, xin xem Công vụ các sứ đồ, đoạn 28.

**Ðoạn 16 -- Những Việc Riêng**

Ðây là đoạn chào thăm từng người. Có ghi tên 26 thủ lãnh Hội Thánh, là thiết hữu của Phao-lô.

Phê-bê (câu 1-2), người đem thơ tín nầy; có lẽ bà đi La-mã để buôn bán. Xen-cơ-rê là hải cảng phía Ðông của thành Cô-rinh-tô.

Bê-rít-sin và A-qui-la (câu 3-5) trước kia ở La-mã (Công vụ các sứ đồ 18:2). Ông bà ở với Phao-lô tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô, và lúc nầy đã trở về La-mã. Có một Hội Thánh nhóm tại nhà họ.

Ê-bai-nết (câu 5) là người tin Chúa đầu tiên "trong xứ A-si," hiện đang ở La-mã.

Ma-ri (câu 6). Hãy chú ý, nhiều thủ lãnh thuộc phái phụ nữ.

An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a (câu 7), là bà con của Phao-lô, lúc nầy đã cao tuổi, vì đã tin Chúa trước Phao-lô và cùng ở tù với ông.

Am-li-a, U-rơ-banh, Ếch-ta-chy, A-be-lơ (câu 8-10), là bạn hữu của Phao-lô.

"Các người ở nhà A-rít-tô-bu" (câu 10) và "các người ở nhà Nạt-xít" (câu 11), có lẽ là những chi hội ở trong nhà họ.

Hê-rô-đi-ôn cũng là một người bà con của Phao-lô.

Try-phe-nơ, Try-phô-sơ và Bẹt-si-đơ (câu 12) là tên phụ nữ.

Ru-phu (câu 13), có lẽ là con trai của Si-môn, người đã vác Thập tự giá của Ðức Chúa Jêsus (Mác 15:21). Mẹ của Ru-phu đã chăm lo cho Phao-lô như cho con trai mình vậy.

A-sin-cơ-rích, Phơ-lê-gôn, Hẹt-me, v.v... (câu 14) và các anh em ở với họ, tức là chi hội của họ.

Phi-lô-lô-gơ, Giu-li, v.v.. (câu 15) và các thánh đồ ở với họ, tức là chi hội của họ.

Tẹt-tiu (câu 22) chép những lời Phao-lô đọc, tức là thơ ký của ông.

Gai-út (câu 23), nhà ông nầy là nơi Phao-lô đang trú ngụ và là nơi nhóm họp chung cho các tín đồ Cô-rinh-tô.

Ê-rát (câu 23) chắc là một người có thế lực lớn, vì làm quan kho bạc thành Cô-rinh-tô.

**Thành Rô-ma hay  thành La-mã.   Rome.**

      Kinh đô danh tiếng của thế giới xưa, ở trên bờ sông Tibre, cách cửa sông độ 24 cây số. "Bảy hòn núi" (Khải Huyền 17:9) làm nơi trung tâm của thành xưa ở tả ngạn sông đó. Bên kia sông có núi cao hơn là Janicule. Từ đời rất sớm, trên đây có một đồn lũy với một ngoại ô ở dưới lan rộng đến bờ sông. Thành La-mã ngày nay ở phía Bắc thành xưa, phần lớn trên một đồng bằng phía Bắc bảy hòn núi đó, trước gọi là Campus Martius, và bên kia sông trên đất thấp dưới Vatican miền Bắc Janicule xưa.
       Trong Kinh Thánh, La-mã chỉ chép trong ba sách Tân Ước, tức Công vụ các sứ đồ, thơ La-mã và II Ti-mô-thê. Những cuộc chinh phục của Pompey dường như là dịp tiện cho người Do-thái ngụ tại thành La-mã lần đầu. Vua Aristobulus và con người dự phần trong sự khải hoàn của Pompey, và lúc đó có nhiều người Do-thái bị bắt và di dân được đem tới thành La-mã. Có một địa phận dành riêng cho họ, không phải là nơi ngày nay gọi là "Ghetto" ở giữa đến chiến thần và đảo sông Tibre, nhưng ở bên kia sông đó. Trong số người Do-thái đó có nhiều được giải phóng. Jules César tỏ ra lòng tốt với họ; Au-gút-tơ cũng vậy, và cả Tibère trong phần chót đời trị vì nữa. Khi trước Tibère dường như có trục xuất một phần lớn người Do-thái sang đảo Sardaigne. Cơ-lốt có "chỉ truyền mọi người Do-thái phải lánh khỏi thành La-mã" (Công vụ các sứ đồ 18:2), vì cớ sự lộn xộn, có lẽ quan thiệp với sự giảng Tin lành tại thành La-mã. Chắc sự trục xuất đó không lâu, vì sau thấy khi Phao-lô đến thăm viếng thì dường như có nhiều người Do-thái tại thành (Công vụ các sứ đồ 28:17).

Phần chính chép trong Kinh Thánh về thành La-mã là quan thiệp với Sứ đồ Phao-lô. Ðể minh chứng về truyện đó, thì đây mô tả thành La-mã trong đời Néron, là Sê-sa mà Phao-lô "kêu nài đến," và tử vì đạo trong đời Sê-sa đó.

1.Thành bấy giờ là một số nhà lớn không có trật tự và không có tường ngoài bao bọc. Thành đã lan ra ngoài đường Servian cũ từ lâu, song không thể biết đúng giới hạn các ngoại ô. Thấy thành từ ngoài không có đẹp mấy. Thành La-mã cổ không có những vòm, hoặc những tháp chuông lớn, và bảy núi không cao hoặc đồ sộ, nên các nhà và các đường phố bày một cảnh lộn xộn. Phao-lô đến La-mã giữa hai thời quan hệ trong lịch sử của thành, tức sự tu bổ lại bởi Au-gút-tơ và bởi Néron. Au-gút-tơ khoe khoang, "đã thấy thành bằng gạch và để lại bằng cẩm thạch." Chắc lúc đó có phần thành rất đẹp, nhứt là Forum và Campus Martius; song nhiều tòa nhà chính ngày nay rất đẹp lúc đó chưa có. Các đường phố thì hẹp và cong queo, hai bên có nhiều nhà trọ rất cao, đến nổi Au-gút-tơ phải hạn chế bề cao chừng 20 thước. Phao-lô thăm viếng lần thứ nhứt là trước vụ hỏa tai xảy ra trong đời Néron; song sau khi lập lại thành vẫn có nhiều sự xấu xa còn lại.

Số dân trong thành được tính khác nhau. Số 1.200.000 của Gibbon tính có lẽ đúng hơn hết. Chừng một nửa dân cư có lẽ là tôi mọi, và phần nhiều sót lại là người công dân nghèo túng mà nhà nước phải trợ cấp. Dường như không có người trung lưu, và những thợ tự do làm nghề. Bên cạnh những hạng nghèo còn có một đoàn thể nhỏ thuộc quí tộc giàu có, mà các tác giả ngoại đạo thời bấy giờ viết về sự xa xí và hoang phí. Ấy là dân cư mà Phao-lô gặp lần đầu thăm viếng thành.

       Theo Công vụ các sứ đồ, ta thấy Phao-lô "ở trọn hai năm" tại La-mã, "trong một nhà trọ đã thuê, được phép ở riêng với một người lính canh giữ" (Công vụ các sứ đồ 28:16,30), bị xích chung với người lính theo thói người La-mã (Công vụ các sứ đồ 28:20; Ê-phê-sô 6:20; Phi-líp 1:13). Tại đây, vì không ai cấm đoán, Phao-lô giảng cho mọi người đến cùng mình (Công vụ các sứ đồ 28:30,31). Ai nấy đều tin rằng khi chống án lên Sê-sa, thì Phao-lô được tha, và sau ít lâu được tự do lại bị cầm tù lần thứ hai tại La-mã. Phao-lô chép năm thơ tín tức Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-líp, Phi-lê-môn và II Ti-mô-thê tại thành La-mã, bức thơ chót chép ít lâu trước khi chết (II Ti-mô-thê 4:6), và những thơ khác chép trong kỳ bị tù lần thứ nhứt. Hết thảy đều tin rằng Phao-lô chịu tử vì đạo tại La-mã.
       2. Những địa phương trong và quanh thành La-mã nhứt là quan thiệp với đời Phao-lô là: a) Phô-rum Áp-bi-u, là đường cái bởi đó Phao-lô vào thành La-mã (Công vụ các sứ đồ 28:15). b) Cung điện hoặc "chốn công đường" (Phi-líp 1:13) chỗ nầy có lẽ là trại quân lớn của đội thị vệ mà hoàng đế Tibère lập ngoài vách thành phía Ðông bắc, hoặc có lý hơn là một tòa nhà lớn cho lính ở liên lạc với cung điện hoàng đế trên núi Palatine. Không đủ chứng cớ tên "Praetorium" bao giờ dùng chỉ cung điện hoàng đế, dầu dùng chỉ về dinh của quan tổng đốc (Giăng 18:28; Công vụ các sứ đồ 23:35). Phi-líp 4:22 chép "nhà Sê-sa" chứng quyết rằng nơi Phao-lô ở là ngay cạnh nhà của hoàng đế trên Palatine.
       3. Những nơi khác chép quan thiệp với Phao-lô là nhờ lời truyền khẩu mà thôi. a) Nhà ngục Mamertine, hoặc Tullianum, xây cất gần Forum, nay còn có dưới nhà thờ gọi là St.Giuseppe. Truyền khẩu nói tại đây Phao-lô cùng Phi-e-rơ bị tù chung trong chín tháng, dầu theo Tân Ước không có chứng cớ nào Phi-e-rơ bao giờ ở thành La-mã, miễn là "Ba-by-lôn" trong I Phi-e-rơ 5:13 không phải là tên chỉ bóng về La-mã. Dầu vậy, dường như chứng cớ và sự tin chung của Hội Thánh đầu tiên tỏ ra Phi-e-rơ chịu tử vì đạo tại đó. Nhưng truyện về Phi-e-rơ bị tù ở Mamertine dường như không hiệp với II Ti-mô-thê 4:11. b) Người ta nói rằng nhà thờ trên đường Ostian hiện nay là nơi hai Sứ đồ từ giã để lên đường chịu tử vì đạo. c) Cũng đoán rằng nơi Phao-lô tử vì đạo là nơi ngày nay có nhà thờ gọi bằng tên Sứ đồ trên đường Ostian, d) Cứ theo truyền khẩu, hiện nay có nhà thờ gọi theo tên Sứ đồ Phi-e-rơ ở tại Montorio trên Janicule, vì giả định là nơi Sứ đồ đó tử vì đạo. đ) Trên đường cái Appienne nay có nhà thờ Domine quo Vadis để chỉ nơi mà Phi-e-rơ, theo truyện hoang đường, Chúa hiện đến cùng Phi-e-rơ lúc Sứ đồ trốn để khỏi tử vì đạo. e) Người ta cũng đoán hai sứ đồ vốn chôn trong các hầm (Catacombes) dưới thành La-mã, song rồi sau thây của Phao-lô được chôn gần đường Ostian, còn thây của Phi-e-rơ được chôn dưới vòm nhà thờ rất danh tiếng gọi bằng tên Sứ đồ tại La-mã
       4. Về những tín đồ tại La-mã trong đời các Sứ đồ, có thể thêm mấy nơi như sau nầy: a) Vườn của Néron, trong Vatican, không xa nhà thờ St.Pierre. Tại đây, nhiều tín đồ trong đời Néron bị bọc trong da thú mà quăng cho chó xé, hoặc mặc những áo tẩm dầu để đốt làm đuốc soi các cuộc chơi ban đêm; tín đồ khác bị đóng đinh. b) Các hầm chôn người (Catacombes) là những đường hầm dưới đất cao độ 3 thước và ngang độ 2 thước, và dài mấy cây số, lan đến đường Appienne và Nomentan chắc cũng dùng để làm nơi ẩn náu cho các tín đồ đầu tiên họp lại thờ phượng. Niên hiệu sớm hơn hết tìm trong các hầm đó là 71 S.C..

       Không thể biết ai là người thứ nhứt sáng lập Hội Thánh tại La-mã. Có lẽ đạo Ðấng Christ được đem vào thành không lâu sau ngày Lễ Ngũ Tuần Ðức Thánh Linh giáng xuống vì chép "nào kẻ từ La-mã đến" Giê-ru-sa-lem (Công vụ các sứ đồ 2:10) có chứng cớ rõ ràng có nhiều tín đồ ở La-mã trước khi Phao-lô thăm viếng thành (Rô-ma 1:8,13,15; 15:20). Trong lời chào thăm ở cuối bức thơ La-mã có chép tên của 24 tín đồ tại La-mã. Theo truyền khẩu giả dụ Li-nút (nói đến trong II Ti-mô-thê 4:21) và Cơ-lê-măn (Phi-líp 4:3) kế thừa Phi-e-rơ làm giám mục tại La-mã. La-mã dường như gọi bằng tên bóng Ba-by-lôn trong Khải Huyền 14:8; 16:19; 17:5; 18:2,21; và cũng gọi là thành của bảy hòn núi (Khải Huyền 17:9 so 12:3; 13:1).

**Thơ Rô-ma hay thơ La-mã.   Epitre aux Romains.**

      I. Nơi chép và niên hiệu.-- Theo thứ tự Tân Ước, thơ La-mã là thứ nhứt trong các thơ Phao-lô, song theo thứ tự Phao-lô chép thì là thứ sáu. Niên hiệu chép thơ là chắc chắn hơn và trong một khoảng hẹp hòi hơn các thơ khác của Phao-lô. Những điều sau nầy nhứt định thời gian chép thơ.

       (1) Mấy tên trong lời chào thăm của thơ chỉ thành Cô-rinh-tô là nơi đã gởi thơ đi.
             a) Phê-bê, nữ chấp sự của Hội Thánh Xen-cơ-rê là một trong các cảng của thành Cô-rinh-tô, được gởi gắm cho tín đồ La-mã (16:1,2).

             b) Gai-út là tín đồ đã tiếp đãi Phao-lô (16:23), có lẽ là người I Cô-rinh-tô 1:14 chép là một trong những người đứng đầu Hội Thánh Cô-rinh-tô.

             c) Ê-rát, quan kho bạc thành phố (16:23), chỗ khác cũng chép có quan thiệp đến thành Cô-rinh-tô (II Ti-mô-thê 4:20; cũng xem Công vụ các sứ đồ 19:22).

       (2) Ðã nhứt định nơi chép thơ là thành Cô-rinh-tô như thế, thì không còn ngần ngại quyết rằng sự thăm viếng của Phao-lô chép trong Công vụ các sứ đồ 20:3, vào khoảng mùa Ðông và mùa Xuân theo sau, sau Phao-lô đã ngụ rất lâu tại thành Ê-phê-sô, là dịp tiện Sứ đồ chép thơ La-mã. Khi Phao-lô chép thơ thì đang đem tiền quyên ở Ma-xê-đoan và A-chai đến Giê-ru-sa-lem (15:25-27), và khi so với Công vụ các sứ đồ 20:22; 24:17 và I Cô-rinh-tô 16:4; II Cô-rinh-tô 8:1,2; 9:1, tỏ rằng bấy giờ Phao-lô bận lo việc đó. Vậy, biết thơ chép tại Cô-rinh-tô trong cuộc Phao-lô lưu hành truyền đạo lần thứ ba, vào dịp thứ hai trong hai lần thăm viếng như kể trong Công vụ các sứ đồ. Lần nầy Phao-lô ở lại ba tháng tại nước Hy-lạp (Công vụ các sứ đồ 20:3). Theo niên hiệu có lý hơn cả ấy là nhằm năm 58 S.C..

       Bởi thế, về phần niên hiệu chép, thơ La-mã quan thiệp với mấy thơ gởi cho hội Ga-la-ti và Cô-rinh-tô, vì mấy thơ đó chép nội trong 12 tháng trước. Vì lối văn và tài liệu, các thơ nầy cũng giống nhau một cách lạ,--giống hơn cả thơ khác của Phao-lô.

       II. Dịp tiện và cảnh ngộ gởi thơ.—Ðã lâu, Phao-lô có ý sang thành La-mã và vẫn còn giữ ý đó, cũng ao ước mở rộng cuộc hành trình sang Y-pha-nho nữa (1:9-13; 15:22-29). Lúc đó, Phao-lô tạm thời bị ngăn trở vì bị ràng buộc phải tới Giê-ru-sa-lem với những tiền quyên giúp cho các tín đồ ngoại bang; nên trong khoảng nầy, Phao-lô gởi thơ cho La-mã thế cho sự thiếu sót không được thân hành đến dạy dỗ. Phê-bê, nữ chấp sự hội Xen-cơ-rê ở lân cận Cô-rinh-tô, sắp sửa khởi hành sang La-mã (16:1,2), và có lẽ cũng đem thơ nầy với mình. Toàn thân bức thư Phao-lô đọc cho Tẹt-tiu chép (16:22), song vì cớ thình lình từ lời chào thăm qua lời tạ ơn (16:24,25), có lẽ tạ ơn đó là bởi chính tay Phao-lô thêm vào.

       III. Căn nguyên Hội Thánh La-mã.-- Ấy rất mờ tối. Xem phần chót bài thành La-mã. Nếu Hội Thánh La-mã thật thiết lập bởi Phi-e-rơ theo lời truyền khẩu về sau, thì sự không nói đến Phi-e-rơ trong cả thơ La-mã và trong các thơ khác mà Phao-lô sau chép tại La-mã, không thể giải nghĩa được. Cũng rất rõ chẳng phải Sứ đồ nào khác lập Hội Thánh La-mã. Sách Clémen-tines nói những tin tức đầu tiên về đạo Tin lành đã tới thành La-mã trong đời Ðấng Christ thật dường như chỉ là điều bịa đặt để giúp ý kiến trên. Song có chứng cớ tỏ rõ Hội Thánh La-mã đã được thiết lập rất sớm. Có lẽ mấy người La-mã chép trong Công vụ các sứ đồ 2:10,11, có mặt tại Giê-ru-sa-lem nhằm ngày lễ Ngũ tuần, đã đem tin đầu nhứt về đạo Tin lành tới La-mã; hoặc Tin lành tới đến La-mã bởi những tín đồ bị tan lạc để trốn thoát nạn bắt bớ sau khi Ê-tiên tử vì đạo (Công vụ các sứ đồ 8:4; 11:19). Có thể giả định rằng trước hết Tin lành được giảng tại đó một cách lộn xộn, và được coi như chỉ là một giáo phái của Do-thái-giáo như về trường hợp A-bô-lô tại Cô-rinh-tô (Công vụ các sứ đồ 18:25), hoặc các tín đồ tại Ê-phê-sô (Công vụ các sứ đồ 19:1-3). Song thời gian qua và các giáo sư học thức hơn về đạo Tin lành tới, thì những đám mây về đạo lần lần bay đi cho đến cuối cùng có sự hiện diện của chính Sứ đồ lớn là Phao-lô tại thành La-mã, làm tan đám sương mù của Do-thái-giáo còn bao phủ Hội Thánh La-mã.

       IV. Các tín đồ Hội Thánh La-mã.-- Khi Phao-lô chép thơ, thì nói với một Hội Thánh lẫn lộn người Do-thái và người ngoại bang, có lẽ số dân ngoại đông hơn. Trong thơ có mấy khúc kia tỏ ra có một số đông người Do-thái tin nhận đạo Ðấng Christ. Nếu phân tích danh sách các tên trong 16: và quyết rằng danh sách đó gần tỏ sự cân đối của người Do-thái và người ngoại bang, thì cũng thấy như vậy; vì dường như một phần đông các tín đồ Ðấng Christ đó là người Do-thái, dầu coi mọi tín đồ mang tên Hy-lạp và La-tinh còn lại đều là người ngoại. Ấy không sanh ra sự khó gì. Những phu tù mà Pompey đem sang La-mã họp lại thành trung tâm điểm của dân cư Do-thái, tại La-mã và từ đó, người Do-thái càng ngày càng thêm. Trái lại, vì ở trong Kinh thành của một đế quốc ngoại đạo lớn, chắc phần lớn Hội Thánh La-mã gồm tín đồ là dân ngoại, và ngôn ngữ của thơ La-mã bày tỏ lời giả định đó. Song các tín đồ dân ngoại đó phần nhiều không phải là người sanh trưởng tại La-mã. Dầu thật lạ, nhưng không có gì chắc chắn hơn là Hội Thánh La-mã lúc bấy giờ là một Hội Thánh Hy-lạp, chớ không phải là một Hội Thánh La-tinh. Bởi đó, hết cả văn thơ Hội Thánh La-mã đầu tiên đều viết bằng tiếng Hy-lạp, và tên các giám mục tại La-mã trong hai thế kỷ đầu; chỉ trừ vài tên đều là tên Hy-lạp. Trong lời chào thăm của đoạn 16: có phần lớn tên là bằng tiếng Hy-lạp. Khi tra xét các tên trong lời chào thăm đó, thì có thể biết giai cấp và địa vị tín đồ Hội Thánh La-mã là thể nào. Phần nhiều tín đồ đó thuộc hạng trung lưu và hạ lưu; và thấy nhiều trong số những người tôi mọi được giải phóng và số các tôi mọi của hoàng đế trước. Giữa vòng người trung lưu, hoặc buôn bán hay sĩ quan nhỏ; giữa vòng người hạ lưu, hoặc những tôi mọi hay tôi mọi đã được giải phóng của cung điện hoàng đế; bất cứ người Do-thái hay người Hy-lạp, đạo Tin lành trước hết cũng được lập cách vững vàng. Phi-líp 4:22 nói đến hạn người cuối cùng tức "về người nhà Sê-sa".

       V. Tánh cách chung của thơ.-- Sự khác nhau giữa các hạng tín đồ của Hội Thánh La-mã đó thì cắt nghĩa tánh cách chung của thơ. Trong một hội có các hạng người khác nhau như thế, chẳng phải chỉ có một sự sai lầm mà thôi, song chắc còn nhiều sự sai lầm khác nhau và trái ngược nhau nữa. Bởi vậy, công việc các giáo sư đạo Ðấng Christ là làm cho các sự khó khăn phản đối nhau được hòa hiệp, và nhờ đạo Tin lành để cho các tín đồ hiệp làm một trong ánh sách Ngài. Ấy chính là công việc Phao-lô thử làm trong thơ La-mã. Lại nữa, dường như thơ không phải chép đặc biệt để trả lời mấy vấn đề hồ nghi hoặc giải quyết mấy vụ cãi lẫy thường xảy ra. Bởi vậy, không có ảnh hưởng lộn xộn nào, hoặc về sự thân thuộc của cá nhơn hoặc những cảnh ngộ riêng, để ngăn trở Phao-lô chép một thơ chung theo trật tự giải nghĩa tánh cách và công việc của Tin lành. Nên thơ La-mã thật là bài luận thuyết hơn là một thơ. Về mặt nầy, thơ La-mã khác nhau xa với hai thơ Cô-rinh-tô và thơ Ga-la-ti, là ba thơ đầy những lời ngụ ý riêng và trực tiếp. Chỉ một chỗ, 13:1, dường như có ý nói riêng về Hội Thánh ở Kinh thành.

       VI. Thơ La-mã quan thiệp với các thơ đồng thời thế nào.-- Ðể giải nghĩa tánh cách chung đó thì cần phải tra xét sự quan thiệp thơ La-mã với các thơ đồng thời của Phao-lô. Thơ La-mã là thơ chót của các thơ Phao-lô viết trong cuộc lưu hành truyền đạo lần thứ ba. Tập thơ nầy, ngoài ra, như đã nói trên, gồm các thơ Cô-rinh-tô và Ga-la-ti viết nội trong mấy tháng trước. Trong thơ gởi cho hai hội nầy, ta thấy thái độ của Tin lành đối với thế giới tín đồ ngoại bang và tín đồ Do-thái, thơ nào hạng đó. Những thơ nầy đặt trực tiếp và riêng biệt. Thơ La-mã là bài tóm tắt điều mà Phao-lô đã viết trước là kết quả của sự giao tiếp với những sự sai lầm phản đối nhau, và là sự thâu góp những sự đã dạy dỗ trong thơ Cô-rinh-tô và Ga-la-ti.

       VII. Một điều đặc biệt về nguyên bản.-- Về nguyên bản thơ La-mã có một điều đặc biệt. Trong thơ được công nhận vào Kinh Thánh thì có lời tạ ơn của Phao-lô ở cuối cùng (16:25-27). Chứng cớ chắc chắn hơn thì thuận hiệp với sự sắp đặt như vậy, song có nhà giải nghĩa trứ danh đặt lời tạ ơn đó cuối đoạn 14. Bản khác thấy trong cả hai chỗ; cũng có bản bỏ cả hai. Ðiều đặc biệt đó có thể giải nghĩa cách đúng nhứt bằng sự giả định thơ La-mã được luân chuyển rất sớm bằng hai bảng (nếu trong đời Phao-lô không cần phải luận đến): bản có cả thơ, bản không hai đoạn chót.

       VIII. Mục đích và nội dung của thơ.-- Về mục đích của thơ, ta có thể bắt đầu bằng chính lời của Phao-lô đứng đầu phần về lẽ đạo, cũng có thể coi là tóm tắt cả tài liệu nữa (1:16,17). Hiệp với ý đó, có một nhà mô tả thơ là "triết học tôn giáo của lịch sử thế gian." Trung tâm điểm của lịch sử tôn giáo là sự chuộc tội của Ðấng Christ. Thơ nầy cũng trả lời vấn đề các đời. "Làm thế nào cho loài người được công bình trước mặt Ðức Chúa Trời" (Gióp 9:2). Vậy, thơ tỏ ra dạy dỗ phương pháp của Ðức Chúa Trời cho người được công bình.

       Thơ La-mã tùy theo tánh cách chung để phân tích hơn phần nhiều thơ khác của Phao-lô. Dưới đây là bảng kê tài liệu:

       Lời chào thăm (1:1-7). Ngay lúc khởi đầu, Phao-lô tỏ rõ chìa khóa của thơ khi chép "được gọi làm Sứ đồ," và "được gọi làm thánh đồ." Ơn điển của Ðức Chúa Trời đủ cho mọi sự, công đức người chẳng đáng giá gì.

   1. Lời giải nghĩa riêng.-- Ðịnh sang thăm thành La-mã (1:8-15).

    2. Lẽ đạo (1:16-11:36). Ðiều đề nghị chung.-- Tin lành là sự cứu rỗi của người Do-thái cũng như của dân ngoại. Sự cứu rỗi nầy đến bởi đức tin (1:16,17). a) Hết thảy mọi người như nhau đều ở dưới sự đoán phạt trước khi có Tin lành: Người ngoại bang (1:18-32); người Do-thái (2:1-29). Sự phản đối điều đó được trả lời (3:1-8), và chính địa vị đó được tỏ rõ bởi Kinh Thánh (3:9-20). b) Sự công bình, (được xưng là công bình) nhờ Tin lành được bày tỏ, bởi đức tin không phải bởi luật pháp, cũng được phổ thông (3:21-26). Vậy, không có cớ mà khoe mình (3:27-31). Về sự công bình bởi đức tin đó, Áp-ra-ham đã làm gương (4:1-25). Như vậy, ta được xưng công bình trong Ðấng Christ, nên ta chỉ khoe về Ngài (5:1-11). Sự được xưng công bình trong Ðấng Christ đó cũng được phổ thông như sự đoán phạt trong A-đam (5:12-19?). c) Những kết quả đạo đức của sự giải cứu ta. Luật pháp ban bố chỉ làm cho thêm nhiều tội (5:20,21). Khi ta chết về luật pháp, thì ta chết về tội lỗi (6:1-14). Sự phá bỏ luật pháp không phải là dấu cho phép buông lung (6:15-23). Trái lại, như luật pháp đã qua đi, tội lỗi cũng vậy; vì tội lỗi và luật pháp tương đối với nhau; ấy không phải khinh luật pháp, song thật ra là chứng cớ về sự yếu đuối của nhơn loại (7:1-25). Vậy, từ đó, trong Ðấng Christ ta được thoát khỏi tội lỗi, ta có Ðức Thánh Linh, và lấy hy vọng cứ trông đợi tương lai để đắc thắng hơn những sự khốn khổ hiện thời (8:1-39). d) Sự từ bỏ người Do-thái là một vấn đề buồn thảm vô cùng (9:1-5). Dầu vậy, ta phải nhớ rằng: (1) lời hứa chẳng phải cho cả dân sự, song chỉ cho một dòng dõi được lựa chọn (9:6-13). Mục đích tuyệt đối của Ðức Chúa Trời sắp đặt như thế chẳng phải để loài người luận đến (9:14-19). (2) Người Do-thái không tìm sự công bình đúng phép, bởi vậy thất bại. Sự xưng công bình nầy được hứa là bởi đức tin, và hiến cho hết thảy mọi người như nhau, tại đó cũng gồm cả sự giảng Tin lành cho dân ngoại. Tánh cách và kết quả của thời đại Tin lành được tỏ trước trong Kinh Thánh (10:1-21). (3) Sự từ bỏ người Do-thái chưa phải là cuối cùng. Sự từ bỏ đã làm phương pháp để thâu họp các dân ngoại, và bởi dân ngoại, chính những người Do-thái sau cũng được đem đến cùng Ðấng Christ (11:1-36).

       3. Những lời khuyên thực hành.-- (12:1-15:13). a) Ðại khái về sự thánh khiết của đời sống và sự yêu thương chung, và phận sự phải vâng phục những kẻ cầm quyền (12:1-13:14). b) Phải khỏi làm mất lòng các tín đồ yếu đuối (14:1-15:13).

       4. Những vấn đề riêng.-- a) Duyên cớ Sứ đồ viết thơ, và ý định đi thăm các tín đồ hội La-mã (15:14-33). b) Lời chào thăm (16:1-23). Bức thơ tận cùng với lời chúc phước và lời tạ ơn (16:24-27).

       Thơ La-mã nầy chứa sự dạy dỗ của Sứ đồ cách rất đầy đủ và rất có hệ thống, nhưng cũng mô tả rõ rệt tính cách của Phao-lô. Không có thơ khác tỏ ra bổn tánh Sứ đồ yêu thương và chăm chỉ, sự khôn khéo và tỉ mỉ luận về vấn đề không vui như sự từ bỏ đồng bào Phao-lô là người Do-thái nhiều hơn thơ La-mã.

       IX. Chứng cớ thơ là thật.-- Chứng cớ trong thơ rất mạnh mẽ tỏ ra thơ viết cho người La-mã bởi Phao-lô là thật đến nỗi không ai nghi ngờ được. Chứng cớ bề ngoài cũng như thế. Các giáo phụ đời các Sứ đồ không hay kể tên các trước giả Tân Ước bằng tên, song có nhiều khúc trích từ La-mã trong các thơ của Clément và Policarpe. Dường như cũng được trực tiếp dùng bởi trưởng lão trích trong thơ Irénée, tác giả bức thơ gởi cho Diognetius ngụ ý đến, và Justin Martyr cũng vậy. Vả lại, thơ La-mã cũng có chỗ trong bảng liệt kê của Muratori, và trong bảng Syriaqua và bản La-tinh cổ. Ngoài chứng cớ các văn sĩ chánh giáo hội, các nhà tà giáo sau đời các Sứ đồ như phe Ophites, Basilides Valentinus, và Ptolemaus, v.v., đều làm chứng thơ là thật. Thơ cũng được vào bảng Kinh Thánh mà Marcion công nhận. Trong phần chót thế kỷ thứ II, chứng cớ thơ La-mã là thật càng nhiều hơn.

Tiến sĩ Scofield chú thích tiểu dẫn thơ La-mã:

Tác giả. Sứ đồ Phao-lô (1:1).

Niên hiệu.-- Thơ La-mã, theo trật tự niên biểu là thơ thứ sáu của các thơ Phao-lô, viết tại thành Cô-rinh-tô trong khi Sứ đồ thăm viếng thành đó lần thứ ba (II Cô-rinh-tô 13:1), độ 60 S.C. Phao-lô viết thơ nầy có ý khỏi ít lâu đến thăm La-mã. Phao-lô tự nhiên muốn báo trước khi mình tới những lẽ thật đặc biệt đã được tỏ ra cho và bởi mình. Sứ đồ ước ao những tín đồ tại La-mã có những lời giảng dạy của chính mình về những lẽ đạo lớn của ơn điển bị công kích cay đắng khắp nơi bởi các giáo sư luật pháp.

       Ðại đề.-- Ðại đề của thơ La-mã là "Tin lành của Ðức Chúa Trời" (1:1), có nghĩa chỉ định rất rộng bao gồm toàn thể chân lý cứu chuộc, vì chính Ngài "chẳng vị nể ai đâu" và chẳng phải "chỉ là Ðức Chúa Trời của dân Do-thái," song "cũng là Ðức Chúa Trời của dân ngoại" (2:11; 3:29). Bởi vậy, "cả thiên hạ" đều "nhận tội trước mặt Ðức Chúa Trời" (3:19); và một sự cứu chuộc được tỏ bày ra rộng rãi theo sự cần dùng, chỉ cần một điều kiện là đức tin. Không những thơ La-mã chứa cách đầy đủ những lẽ đạo về ân điển quan thiệp với sự cứu rỗi, song trong ba đoạn rất đáng chú ý (9:11), những lời hứa lớn cho Y-sơ-ra-ên cũng được hòa hiệp với những lời hứa cho dân ngoại, và sự ứng nghiệm lời hứa cho Y-sơ-ra-ên được tỏ ra phải chờ đợi Hội Thánh được trọn vẹn và "Ðấng Giải cứu đến từ Si-ôn" (11:25-27).

       Lời chìa khóa.-- Ấy là "sự công bình của Ðức Chúa Trời" (1:17; 3:21,22). Thơ, không kể lời tiểu dẫn (1:1-7), chia làm bảy phần: (1) Cả thế gian phạm tội trước mặt Ðức Chúa Trời 1:18-3:20. (2) Sự xưng công bình bởi đức tin nhờ sự công bình của Ðức Chúa Trời, là phương thuốc Tin lành để chữa sự mắc tội lỗi, 3:21-5:11. (3) Tín đồ đóng đinh với Ðấng Christ sống bằng sự sống lại của Ðấng Christ, và bước đi trong Thánh Linh, là sự lo sẵn của Tin lành thế cho nguyên tội lưu truyền, 5:12-8:13. (4) Kết quả đầy đủ về các ơn phước của Tin lành, 8:14-39. (5) Khúc xen vào: Tin lành không phá hủy lời hứa của giao ước cho Y-sơ-ra-ên, 9:1-11:36. (6) Ðời sống và sự hầu việc của tín đồ, 12:1-15:33. (7) Sự lan tràn sự yêu thương tín đồ Ðấng Christ, 16:1-27.